

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NAM**

Bản án số: 09/2022/HC-ST

Ngày: 17 – 02 – 2023

“V/v Khiếu kiện quyết định
hành chính, hành vi hành
chính về lĩnh vực quản lý đất
đai”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Phú

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Sang và ông Đoàn Văn Tri

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Phương Thảo- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Hảo - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 02 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai (trực tuyến) vụ án hành chính thụ lý số 56/2022/TLST-HC ngày 20 tháng 5 năm 2022 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính về lĩnh vực quản lý đất đai*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 118/2022/QĐXXST-HC ngày 27 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: ông Lê Doãn N, sinh năm 1965; địa chỉ: thôn M, xã P, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Thanh T, sinh năm 1994; địa chỉ: Chi nhánh Văn phòng Luật sư Đình Duy tại Miền Trung, tổ 8, thôn An Thành 1, xã K, huyện I, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Võ Đình Duy – Văn phòng Luật sư Đình Duy, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đắk Lắk. Địa chỉ: 207 Nguyễn Chí Thanh, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

- Người bị kiện:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

Địa chỉ: Số 22 K, thị trấn H, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam;

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Minh Châu – Chức vụ: Phó Chủ tịch (theo văn bản ủy quyền số 79/UBND ngày 11/01/2023 của Chủ tịch UBND thị xã Điện Bàn). Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Nguyễn Thanh V - Trưởng Phòng Tài nguyên và môi trường thị xã Điện Bàn. Có mặt.

2. Chủ tịch và Ủy ban nhân dân xã P;

Địa chỉ: xã P, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đoàn Công Đ – Chức vụ: Phó Chủ tịch (theo văn bản ủy quyền số 54/UBND ngày 14/6/2022 của Chủ tịch UBND xã P, thị xã Điện Bàn). Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

+ Ông Lê L – Công chức địa chính xã P. Có mặt;

+ Ông Lê Ngọc C – Công chức Tư pháp - Hộ tịch xã P. Có mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1965; địa chỉ: thôn M, xã P, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Thanh T, sinh năm 1994; địa chỉ: Chi nhánh Văn phòng Luật sư Đình Duy tại Miền Trung, tổ 8, thôn An Thành 1, xã K, huyện I, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

2. Bà Lê Thị G, sinh năm 1967; địa chỉ: K54/40 Ông Ích Khiêm, quận A, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại Đơn khởi kiện của ông Lê Doãn N, các văn bản có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:**

Sau ngày thống nhất đất nước 1975, cha ông Nhạ là ông Lê Tiên, cùng gia đình về quê sinh sống. Thời kỳ bao cấp cuộc sống còn gặp nhiều khó khăn về kinh tế, cha ông cùng gia đình khai hoang đối với một phần thửa đất số 23, tờ bản đồ số 01 tại xã P, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam để trồng hoa màu nhằm cải thiện đời sống gia đình. Sau vài năm trồng hoa màu, đất này khô hạn nên cha ông đã chuyển sang trồng tre bao xung quanh mảnh đất kết hợp với trồng hoa màu, đây là nguồn thu nhập kinh tế chính của gia đình. Nhưng vì tuổi cao sức yếu cha ông Nhạ đã chết, ông Nhạ là người tiếp tục quản lý, sử dụng thửa đất cho đến hôm nay, không có ai tranh chấp.

Ngày 07 tháng 5 năm 2019, ông Nhạ làm đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất nêu trên gửi cho Ủy ban nhân dân (UBND) thị xã Điện Bàn. UBND thị xã Điện Bàn chuyển đơn của ông về cho UBND xã P giải quyết.

Ngày 17/08/2019, ông Lê Doãn N nhận được Công văn số 24/UBND ngày 16/08/2019 của UBND xã P, nội dung không chấp nhận đơn xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nhạ.

Ngày 18/08/2019, ông làm đơn khiếu nại Công văn số 24/UBND ngày 16/08/2019 của UBND xã P. Ngày 27/10/2020, Chủ tịch UBND xã P ban hành quyết định số 250/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông. Theo đó, UBND xã P không chấp nhận nội dung khiếu nại nêu trên của ông vì lý do ông không kê khai, đăng ký đất qua các thời kỳ, theo hồ sơ địa chính, thửa đất này là đất chưa sử dụng do UBND xã quản lý.

Ngày 20/01/2021, ông làm đơn khiếu nại gửi đến Chủ tịch UBND thị xã Điện Bàn khiếu nại Quyết định số 250/QĐ-UBND ngày 27/10/2020 của Chủ tịch UBND xã P. Ngày 21/05/2021, ông nhận được quyết định số 5078/QĐ-UBND ngày 19/05/2021 của Chủ tịch UBND thị xã Điện Bàn, nội dung không chấp nhận đơn khiếu nại (lần 2) của ông về việc công nhận nguồn gốc của một phần thửa đất số 23, tờ bản đồ số 01 (theo hồ sơ 64) là do gia đình ông khai hoang, sử dụng ổn định từ trước năm 1980 đến nay, từ đó làm căn cứ lập hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông.

Ông không đồng ý với nội dung các Quyết định nêu trên, vì vậy ông Lê Doãn N khởi kiện yêu cầu Tòa án:

- Huỷ Quyết định số 5078/QĐ-UBND ngày 19/5/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Điện Bàn về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Doãn N, trú tại thôn M, xã P, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam (lần hai);

- Huỷ Quyết định số 250/QĐ-UBND ngày 27/10/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Doãn N (lần đầu);

- Buộc Ủy ban nhân dân xã P, thị xã Điện Bàn xác nhận nguồn gốc đất đối với thửa đất số 23, tờ bản đồ số 01, diện tích 1500m² tại thôn M, xã P, thị xã Điện Bàn là do gia đình ông khai hoang, sử dụng ổn định từ trước năm 1980 theo đúng quy định của pháp luật.

*** *Tại các văn bản có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện Chủ tịch và UBND xã P trình bày:***

Vào năm 2019, ông Lê Doãn N có làm hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất khoảng 1500 m², tại thôn M, xã P, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam. Sau khi tiếp nhận hồ sơ thì bộ phận địa chính xã P đã kiểm tra và Hội đồng xét nguồn gốc đất của xã tổ chức họp xét. Tuy nhiên, Hội đồng xét nguồn gốc đất xã P không thống nhất cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Lê Doãn N nên UBND xã P ban hành Công văn số 24/CV-UBND ngày 16/8/2019 để trả lời cho ông Lê Doãn N.

Sau khi nhận Công văn số 24 ngày 16/8/2019 của UBND xã P thì ông Lê Doãn N có đơn khiếu nại Công văn này.

Sau khi tiếp nhận đơn khiếu nại của ông Lê Doãn N thì UBND xã P đã ra quyết định thành lập Tổ xác minh, xác minh nguồn gốc thửa đất nêu trên và đã ra quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 250/QĐ-UBND ngày 27/10/2020. Sau khi nhận quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu nêu trên thì ông Lê Doãn N không đồng ý và có đơn khiếu nại lần 2 gửi Chủ tịch UBND thị xã Điện Bàn giải quyết theo thẩm quyền.

Về yêu cầu khởi kiện của ông Lê Doãn N, UBND xã P có ý kiến như sau:

Thứ nhất: UBND xã P ban hành Quyết định số 250/QĐ-UBND ngày 27/10/2020 về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Lê Doãn N là đảm bảo đúng quy định pháp luật. UBND xã căn cứ hồ sơ tài liệu quản lý đất đai tại địa phương qua các thời kỳ (hồ sơ được lập theo Chỉ thị số 299/TTg ngày 10/11/1980 của Thủ tướng Chính phủ về công tác đo đạc, phân hạng và đăng ký ruộng đất trong cả nước (sau đây gọi tắt là Hồ sơ CT 299/TTg); hồ sơ được lập theo Nghị định số 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ về việc giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích sản xuất nông nghiệp (sau đây gọi tắt là Hồ sơ ND 64/CP); hồ sơ địa chính mới theo hệ toạ độ VN 2000 (sau đây gọi tắt là hồ sơ VN2000), đồng thời xác minh nguồn gốc quá trình sử dụng thửa đất của các hộ dân sinh sống cùng thời điểm. Theo hồ sơ địa chính đang quản lý tại UBND xã thì thửa đất mà ông Lê Doãn N xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc loại đất chưa sử dụng, do UBND xã P kê khai, quản lý.

Thứ hai: Ông Lê Doãn N cho rằng thửa đất trên do gia đình ông khai hoang sử dụng ổn định từ trước năm 1980 nhưng qua kiểm tra hiện trạng thì ông Lê Doãn N không xác định được mốc giới, diện tích cụ thể, đồng thời hiện trạng trên thửa đất không có canh tác gì chỉ có mấy bụi tre.

Thứ ba: Qua xác minh của các hộ dân sinh sống cùng thời điểm thì kết quả vẫn cho thấy nguồn gốc thửa đất này không phải do ông Lê Doãn N khai phá, ông Lê Doãn N không trồng hay canh tác gì trên thửa đất này. Mặt khác, mảnh đất này hiện nay thuộc khu vực đất quy hoạch phát triển du lịch theo Quyết định số 11101/2018/QĐ-UBND, ngày 27/12/2018 của UBND thị xã Điện Bàn.

Do đó, UBND xã P không đồng ý với nội dung yêu cầu khởi kiện buộc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Lê Doãn N. Đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của ông Lê Doãn N.

*** *Tại các văn bản có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy***

quyền, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện Chủ tịch UBND thị xã Điện Bàn trình bày:

1. Đối với khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 5078/QĐ- UBND ngày 19/5/2021 của Chủ tịch UBND thị xã Điện Bàn về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Doãn N, trú tại thôn M, xã P (lần 2).

Sau khi nhận đơn khiếu nại (lần hai) của ông Lê Doãn N, khiếu nại đối với Quyết định giải quyết khiếu nại (lần đầu) số 250/QĐ-UBND, ngày 27/10/2020, của Chủ tịch UBND xã P thì Chủ tịch UBND thị xã Điện Bàn tiến hành giải quyết khiếu nại theo quy định của pháp luật.

Kết quả kiểm tra hồ sơ qua các thời kỳ cho thấy: theo hồ sơ CT 299/TTg, diện tích đất ông Lê Doãn N đang khiếu nại nguyên trước đây thuộc một phần của thửa đất số 26, tờ bản đồ số 14, diện tích 2.010m², loại đất cồn cát, do Hợp tác xã P quản lý. Theo hồ sơ NĐ 64/CP, diện tích này là thửa đất số 23, tờ bản đồ số 01, diện tích 1.390m², loại đất rừng trồng do UBND xã P quản lý. Theo hồ sơ VN 2000, thuộc một phần thửa đất số 03, tờ bản đồ số 19, diện tích 4.839m², loại đất hoang bằng do UBND xã P quản lý.

Như vậy, đối với diện tích đất đang khiếu nại, hộ ông Lê Doãn N không kê khai, đăng ký qua các thời kỳ. Trong quá trình làm việc, ông Nhạ không cung cấp giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại Điều 100 của Luật Đất đai năm 2013.

Qua kiểm tra, xác minh thì phần diện tích đất mà ông Nhạ đang khiếu nại nguyên trước đây là cồn cát ven sông. Đến năm 1985, khi lập Hồ sơ CT 299/TTg thì diện tích này vẫn là đất cồn cát. Diện tích này trước đây (sau 1975) do ông Huỳnh Triêm sử dụng, trên đất có căn nhà của ông Triêm. Khoảng năm 1978, do lũ lụt xói lở, căn nhà bị sập nên ông Triêm bỏ đi nơi khác sinh sống, sau đó, ông Lê Tiên (cha của ông Lê Doãn N) đến chỗ này để trồng tre. Đến khoảng năm 2000, ông Tiên chết thì phần diện tích đất này gia đình ông Nhạ tiếp tục sử dụng.

Hiện trạng ghi nhận trên thửa đất vào thời điểm này (thời điểm giải quyết khiếu nại) là một bụi tre và đậu phộng, ranh giới của phần diện tích đang khiếu nại không rõ ràng trên thực địa. Qua xác minh, từ lúc bắt đầu sử dụng cho đến nay, hộ gia đình ông Lê Doãn N chỉ trồng tre trên một phần thửa đất, đến khoảng năm 2020, ông Nhạ cho chị của ông Nguyễn Đình Tuấn mượn để trồng đậu phộng. Phần diện tích ông Nhạ đang khiếu nại thì hộ gia đình ông Lê Doãn N sử dụng trước ngày 01/7/2004 để trồng tre và phần diện tích còn lại hộ gia đình ông Nhạ không sử dụng liên tục mà cho người khác mượn để trồng đậu phộng.

Theo trình bày của ông Nhạ, hộ gia đình ông trồng tre với mục đích chắn gió, chắn cát, ngoài ra không trồng loại hoa màu nào khác trên đất. Như vậy, đối với phần diện tích trên, gia đình ông không sản xuất thường xuyên, chưa sử dụng hiệu quả thửa đất để thu lợi về kinh tế. Ngoài ra, hộ gia đình ông Nhạ còn được cấp 02 thửa đất màu với tổng diện tích 427m² và 01 thửa đất thổ cư với diện tích 944,2m² (đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) cho 05 nhân khẩu của hộ gia đình tại thời điểm cấp đất; trên các thửa đất màu, hộ ông Nhạ trồng đậu phộng, trồng sắn... Đây là nguồn thu nhập thường xuyên về nông nghiệp của hộ gia đình ông Nhạ. Hộ gia đình ông Lê Doãn N có 05 nhân khẩu gồm: ông Nhạ làm nghề điện tự do, vợ ông buôn bán nhỏ, hai con làm công nhân và em của ông Nhạ hiện đang sinh sống tại Đà Nẵng. Từ những cơ sở trên cho thấy hộ gia đình ông Nhạ không có thu nhập thường xuyên từ sản xuất nông nghiệp

trên diện tích đất đang khiếu nại. Điều này được UBND xã P xác nhận trong Biên bản làm việc với Thanh tra thị xã ngày 10/3/2021.

Tại điểm a khoản 5 Điều 20 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Luật Đất đai năm 2013 quy định: *“Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất ổn định vào mục đích thuộc nhóm đất nông nghiệp từ trước ngày 01 tháng 7 năm 2004, nay được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận là đất không có tranh chấp thì được công nhận quyền sử dụng đất như sau:*

*a) Trường hợp hộ gia đình, cá nhân **trực tiếp sản xuất nông nghiệp** thì được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo hình thức Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất đối với diện tích đất đang sử dụng nhưng không vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp quy định tại Điều 129 của Luật Đất đai; diện tích đất nông nghiệp còn lại (nếu có) phải chuyển sang thuê đất của Nhà nước”.*

Tại điểm c Khoản 3 Điều 3 Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT hướng dẫn chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư hướng dẫn thi hành Luật đất đai quy định một trong các căn cứ xác định hộ gia đình **trực tiếp sản xuất nông nghiệp**: *“Có nguồn thu nhập thường xuyên từ sản xuất nông nghiệp trên diện tích đất đang sử dụng quy định tại Điểm a Khoản này, kể cả trường hợp không có thu nhập thường xuyên vì lý do thiên tai, thảm họa môi trường, hỏa hoạn, dịch bệnh”*, theo đó, hộ gia đình ông Lê Doãn N không đủ căn cứ để xác định là hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên diện tích đất đang khiếu nại.

Như vậy, phần diện tích tại thửa đất số 23, tờ bản đồ số 01, diện tích 1.390m² (theo Hồ sơ NĐ 64/CP) gia đình ông Nhạ sử dụng trước ngày 01/7/2004 nhưng hộ gia đình ông không trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên phần diện tích này theo phân tích ở trên. Mặt khác, mảnh đất này hiện nay thuộc khu vực đất quy hoạch phát triển du lịch theo Quyết định số 11101/2018/QĐ-UBND, ngày 27/12/2018 của UBND thị xã Điện Bàn. Vì vậy, hộ gia đình ông Lê Doãn N không đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo hình thức giao đất không thu tiền sử dụng đất.

Từ những kết quả, kiểm tra xác minh trên, nội dung khiếu nại của ông Lê Doãn N về việc công nhận nguồn gốc của một phần thửa đất số 23, tờ bản đồ số 01, xã P (theo Hồ sơ NĐ 64/CP) là do ông khai hoang, sử dụng ổn định, không tranh chấp từ trước năm 1980 đến nay để từ đó làm căn cứ cho việc lập hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông đối với phần diện tích này theo hình thức giao đất không thu tiền là không có cơ sở.

Vì vậy, Chủ tịch UBND thị xã Điện Bàn ban hành Quyết định số 5078/QĐ-UBND ngày 19/5/2021 về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Doãn N, trú tại thôn M, xã P (lần 2) là đảm bảo theo quy định của pháp luật.

2. Đối với khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 250/QĐ- UBND ngày 27/10/2020 của Chủ tịch UBND xã P về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Doãn N.

Ngày 18/8/2019, ông Lê Doãn N có đơn khiếu nại gửi Chủ tịch UBND thị xã Điện Bàn. Ngày 26/9/2019, UBND thị xã Điện Bàn ban hành Công văn số 559/UBND chuyển đơn khiếu nại của ông Lê Doãn N đến Chủ tịch UBND xã P để giải quyết theo thẩm quyền. Trong đơn, ông Lê Doãn N khiếu nại Công văn số 24/UBND ngày 16/8/2019 của UBND xã P về trả lời đơn kiến nghị xác nhận diện tích đất do hộ ông Lê

Doãn N khai hoang, sử dụng để lập thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông.

Ngày 27/10/2020, Chủ tịch UBND xã P ban hành Quyết định số 250/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Lê Doãn N. Theo đó, Chủ tịch UBND xã P không chấp nhận nội dung khiếu nại trên của ông Nhạ vì lý do ông không kê khai, đăng ký sử dụng qua các thời kỳ và thửa đất này là đất chưa sử dụng do UBND xã quản lý theo hồ sơ địa chính.

Với kết quả giải quyết trên, ông Lê Doãn N không đồng ý nên tiếp tục gửi đơn khiếu nại lần hai đến Chủ tịch UBND thị xã Điện Bàn theo quy định của pháp luật khiếu nại.

Qua kiểm tra hồ sơ cho thấy, Chủ tịch UBND xã P giải quyết khiếu nại lần đầu đối với khiếu nại của ông Lê Doãn N là đảm bảo theo quy định pháp luật về khiếu nại; tuy nhiên, việc UBND xã P cho rằng thửa đất này là đất do UBND xã P quản lý để không chấp nhận nội dung khiếu nại của ông Lê Doãn N là chưa đầy đủ cơ sở, nhưng nội dung giải quyết là đúng theo thực tế. Do đó, yêu cầu khởi kiện huỷ Quyết định số 250/QĐ- UBND ngày 27/10/2020 của Chủ tịch UBND xã P là không có cơ sở.

3. Đối với khởi kiện yêu cầu buộc UBND xã P xác nhận nguồn gốc đất đối với thửa đất số 23, tờ bản đồ số 01, diện tích 1500m² tại thôn M, xã P là do gia đình ông khai hoang, sử dụng ổn định từ trước năm 1980 theo đúng quy định của pháp luật.

Qua kết quả kiểm tra, xác minh cho thấy phần diện tích ông Nhạ đang khiếu nại là do gia đình ông sử dụng từ trước ngày 01/7/2004, không tranh chấp nhưng hộ ông không phải là hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên diện tích này (như phân tích trên) theo khoản 3 Điều 3 Thông tư số 33/2017/TT- BTNMT nên không đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo hình thức giao đất không thu tiền sử dụng đất. Vì vậy, ông Lê Doãn N yêu cầu cơ quan có thẩm quyền công nhận nguồn gốc của một phần thửa đất số 23, tờ bản đồ số 01 (theo Hồ sơ NĐ 64/CP) là do ông khai hoang, sử dụng ổn định, không tranh chấp từ trước năm 1980 đến nay là không có cơ sở.

Tòa án đã tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành đối thoại để các đương sự thống nhất với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng không thành.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam tham gia phát biểu ý kiến: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đúng thành phần, thực hiện đúng thủ tục phiên tòa, hỏi các đương sự và xác định rõ nội dung vụ án. Người tham gia tố tụng cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa án đầy đủ, tham gia phiên tòa đúng theo giấy triệu tập của Tòa án. Hội đồng xét xử đã tạo điều kiện cho các đương sự tranh luận tại phiên tòa để làm rõ nội dung vụ án.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính năm 2015, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Doãn N về việc: huỷ Quyết định số 250/QĐ-UBND ngày 27/10/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Doãn N; huỷ Quyết định số 5078/QĐ-UBND ngày 19/5/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Điện Bàn về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Doãn N, trú tại thôn M, xã P, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam (lần hai); buộc Ủy ban nhân dân xã P, thị xã Điện Bàn xác nhận nguồn gốc đất đối với thửa đất số 23, tờ bản đồ số 01, diện tích 1500m² tại thôn M, xã P, thị xã Điện Bàn là do gia đình ông khai hoang, sử dụng ổn định từ trước năm 1980 theo đúng quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thời hiệu khởi kiện: Sau khi nhận Quyết định giải quyết khiếu nại (lần 2) số 5078/QĐ-UBND ngày 19/5/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Điện Bàn thì ngày 19/4/2022, ông Lê Doãn N nộp đơn khởi kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính tại Tòa án là còn trong thời hiệu khởi kiện. Căn cứ Điều 6 Luật tố tụng hành chính năm 2015, Tòa án xem xét về tính hợp pháp của văn bản hành chính có liên quan đến quyết định hành chính bị kiện.

[1.2] Về thẩm quyền của Tòa án:

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện yêu cầu Tòa án:

- Huỷ Quyết định số 5078/QĐ-UBND ngày 19/5/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Điện Bàn về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Doãn N, trú tại thôn M, xã P, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam (lần hai);

- Huỷ Quyết định số 250/QĐ-UBND ngày 27/10/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Doãn N;

- Buộc Ủy ban nhân dân xã P, thị xã Điện Bàn xác nhận nguồn gốc đất đối với thửa đất số 23, tờ bản đồ số 01, diện tích 1500m² tại thôn M, xã P, thị xã Điện Bàn là do gia đình ông khai hoang, sử dụng ổn định từ trước năm 1980 theo đúng quy định của pháp luật.

Căn cứ Điều 30, Điều 32, Điều 116 Luật tố tụng hành chính 2015, Tòa án thụ lý giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính về lĩnh vực quản lý đất đai*” theo đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] *Xét quá trình kê khai, đăng ký, quản lý, sử dụng thửa đất số 23, tờ bản đồ số 01, diện tích 1500m² tại thôn M, xã P, thị xã Điện Bàn của hộ ông Lê Doãn N thì thấy:*

+ Về hồ sơ địa chính: Theo hồ sơ CT 299/TTg, thửa đất nêu trên thuộc một phần của thửa đất số 26, tờ bản đồ số 14, diện tích 2.010m², loại đất cồn cát, do Hợp tác xã P quản lý. Theo hồ sơ NĐ 64/CP là thửa đất số 23, tờ bản đồ số 01, diện tích 1.390m², loại đất rừng trồng do UBND xã P quản lý. Theo hồ sơ VN 2000, thuộc một phần thửa đất số 03, tờ bản đồ số 19, diện tích 4.839m², loại đất hoang bằng do UBND xã P quản lý. Như vậy, hộ ông Lê Doãn N không thực hiện việc kê khai, đăng ký sử dụng đất qua các thời kỳ.

+ Trong quá trình giải quyết khiếu nại và giải quyết vụ án, ông Lê Doãn N không cung cấp được một trong các giấy tờ quy định tại Điều 100 Luật đất đai; Điều 18 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Đồng thời cũng không cung cấp các giấy tờ quy định tại khoản 2 Điều 21 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, để xác định thời điểm sử dụng đất và việc sử dụng đất ổn định của ông Nhạ.

+ Sau khi UBND xã P nhận được hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Lê Doãn N, Hội đồng xét nguồn gốc đất của xã đã tiến hành họp xét và xác định đây là đất do UBND xã quản lý. Khi ông Lê Doãn N khiếu nại, Tổ xác minh giải quyết khiếu nại xã P đã tiến hành xác minh một số hộ dân sinh sống ở thôn M, kết quả cho thấy, trước năm 1980 thửa đất này do ông Huỳnh Triêm sử dụng nhưng do lũ lụt, xói lở nên ông đã bỏ đi nơi khác, sau năm 1980 đất bỏ hoang. Sau đó, ông Lê

Tiên (cha ông Nhạ) và ông Nhạ đến trồng tre nhưng không khai hoang, cải tạo gì thêm (BL 86, 87). Tại Biên bản làm việc ngày 06/10/2020 (BL 88), ông Lê Doãn N thống nhất ghi nhận trên thửa đất này có 08 bụi tre (*trong đó có 04 bụi tre Hội đồng xét nguồn gốc đất cho rằng của ông Nguyễn Đình Tuấn*) (BL 90), ngoài ra không có hoa màu, cây cối gì. Mặt khác, theo Biên bản làm việc ngày 10/3/2021 của Thanh tra thị xã Điện Bàn, UBND xã P xác định, khoảng năm 1996 toàn xã có chủ trương vận động nhân dân trồng tre để chống xói lở, không phải trồng với mục đích sản xuất, thu hoạch, hộ ông Lê Doãn N là một trong các hộ gia đình thực hiện theo chủ trương này. Theo trình bày của ông Nhạ, hộ gia đình ông trồng tre với mục đích chắn gió, chắn cát, ngoài ra không trồng loại hoa màu nào khác trên đất.

[2.2] Xét Quyết định số 250/QĐ-UBND ngày 27/10/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P, thị xã Điện Bàn.

- Về hình thức, thẩm quyền, trình tự và thủ tục ban hành quyết định hành chính:

Quyết định giải quyết khiếu nại (lần đầu) số 250/QĐ-UBND ngày 27/10/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P, thị xã Điện Bàn, đảm bảo đúng quy định của pháp luật về hình thức, thẩm quyền, trình tự và thủ tục ban hành.

- Về nội dung: Năm 2019, ông Lê Doãn N có Đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, UBND xã P đã ban hành Công văn số 24/UBND ngày 16/8/2019 trả lời đơn cho ông Lê Doãn N, với nội dung: Trong quá trình thực hiện chính sách đất đai của Nhà nước, hộ ông Lê Doãn N đã không thực hiện việc kê khai và chỉ trồng tre trên đất do UBND xã quản lý, do đó việc xin cấp giấy chứng nhận QSD đất của ông là không có cơ sở giải quyết.

Ngày 19/8/2019, ông Lê Doãn N có Đơn khiếu nại đối với Công văn số 24/UBND ngày 16/8/2019 của UBND xã P, với nội dung: yêu cầu xem xét lại nguồn gốc đất của gia đình ông sử dụng từ trước năm 1975 đến nay trồng cây lâu năm, yêu cầu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và công nhận mục đích sử dụng là đất trồng cây lâu năm cho ông theo khoản 2 Điều 101 Luật đất đai, việc UBND xã P căn cứ theo khoản 5 Điều 26 Luật đất đai năm 2013 và khoản 2 Điều 19 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP để áp dụng đối với trường hợp của ông là không đúng (BL 72). Tại Biên bản đối thoại giải quyết đơn khiếu nại ngày 26/10/2020, ông Lê Doãn N trình bày nội dung khiếu nại: thửa đất này là do gia đình ông khai hoang sử dụng trồng tre từ trước năm 1975 đến nay nên việc tổ xác minh của xã P trả lời là đất chưa sử dụng do UBND xã P quản lý là không đúng và đề nghị được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tại Quyết định số 250/QĐ-UBND ngày 27/10/2020 Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P không chấp nhận toàn bộ nội dung khiếu nại của ông Lê Doãn N.

Xét thấy: Lẽ ra, trường hợp ông Lê Doãn N không có một trong các giấy tờ quy định tại Điều 100 Luật đất đai, Điều 18 và khoản 2 Điều 21 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ thì UBND xã P phải thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 21 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014, Ủy ban nhân dân cấp xã phải thực hiện việc xác nhận về thời điểm bắt đầu sử dụng đất và mục đích sử dụng đất trên cơ sở thu thập ý kiến của những người đã từng cư trú cùng thời điểm bắt đầu sử dụng đất của người có yêu cầu xác nhận trong khu dân cư (thôn, làng, ấp, bản, buôn, phum, sóc, tổ dân phố) nơi có đất. Tuy trong quá trình giải quyết khiếu nại, UBND xã P đã thực hiện xác minh đối với những người dân sống cùng thôn của ông Lê Doãn N về nguồn gốc đất và quá trình sử dụng đất của ông Nhạ, nhưng chưa đúng quy trình.

Mặt khác, trong hồ sơ kê khai qua các thời kỳ, tuy UBND xã P thực hiện việc kê khai, nhưng không đăng ký và được phê duyệt của cấp có thẩm quyền để sử dụng vào mục đích công ích nên mảnh đất này không phải là đất công ích. Do đó, UBND xã P chỉ căn cứ hồ sơ kê khai qua các thời kỳ do UBND xã P quản lý, không căn cứ vào thời điểm sử dụng đất và quá trình sử dụng đất của ông Nhạ để không chấp nhận lập thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nhạ là chưa đầy đủ căn cứ pháp luật. Tuy nhiên nội dung giải quyết khiếu nại của UBND xã P là đúng quy định.

[2.3] Xét Quyết định số 5078/QĐ-UBND ngày 19/5/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

- Về hình thức, thẩm quyền, trình tự và thủ tục ban hành quyết định hành chính:

Quyết định giải quyết khiếu nại (lần hai) số 5078/QĐ-UBND ngày 19/5/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Điện Bàn, đảm bảo đúng quy định của pháp luật về hình thức, thẩm quyền, trình tự và thủ tục ban hành.

- Về nội dung: Không đồng ý với Quyết định số 250/QĐ-UBND ngày 27/10/2020 Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P, ông Lê Doãn N có Đơn khiếu nại lần 2 đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Điện Bàn. Trong Đơn, ông Lê Doãn N yêu cầu xem xét lại nguồn gốc đất của gia đình ông sử dụng từ trước năm 1975 đến nay trồng cây lâu năm, yêu cầu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và công nhận mục đích sử dụng là đất trồng cây lâu năm cho ông theo khoản 2 Điều 101 Luật đất đai; việc UBND xã P căn cứ theo khoản 5 Điều 26 Luật đất đai năm 2013 và khoản 2 Điều 19 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP để áp dụng đối với trường hợp của ông là không đúng; đồng thời, ông đề nghị thực hiện mọi nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, tại Biên bản làm việc với Thanh tra thị xã Điện Bàn ngày 29/3/2021, ông Lê Doãn N chốt lại yêu cầu khiếu nại như sau: *“Yêu cầu UBND xã P công nhận nguồn gốc của một phần thửa đất số 23, tờ bản đồ số 01, xã P (theo hồ sơ NĐ 64/CP) là do hộ gia đình tôi khai hoang, sử dụng ổn định, không tranh chấp từ trước năm 1980 đến nay để trồng tre; từ đó làm căn cứ cho việc lập hồ sơ công nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình tôi đối với phần diện tích này theo hình thức giao đất không thu tiền. Phần diện tích này khoảng 1.500m²”*.

Xét thấy:

[2.3.1] Về nội dung khiếu nại yêu cầu UBND xã P công nhận nguồn gốc của một phần thửa đất số 23, tờ bản đồ số 01, tại thôn M, xã P (theo hồ sơ NĐ 64/CP) là do hộ gia đình ông Lê Doãn N khai hoang, sử dụng ổn định, không tranh chấp từ trước năm 1980 đến nay: Tại Biên bản làm việc ngày 29/3/2021, ông Lê Doãn N trình bày: *“trước đây do ông Huỳnh Triêm sử dụng, sau này lũ lụt, nhà ông Triêm bị sập và bỏ đi thì ba tôi sử dụng để trồng tre khoảng sau năm 1975 để chắn gió, chắn cát. Năm 2000, ba tôi mất thì để lại cho gia đình tôi tiếp tục sử dụng... Hiện nay trên thửa đất còn một bụi tre và khoảng năm 2020, tôi cho chị ông Tuấn mượn một phần thửa đất để trồng đậu phộng”*. Hội đồng xét xử xét thấy: Tổ xác minh giải quyết khiếu nại xã P đã tiến hành xác minh một số hộ dân sinh sống ở thôn M thể hiện, trước năm 1980 thửa đất do ông Huỳnh Triêm sử dụng nhưng do lũ lụt nên đã bỏ đi nơi khác, sau năm 1980 đất bỏ hoang. Sau đó, ông Lê Tiên (cha ông Nhạ) và ông Nhạ đến trồng tre nhưng không khai hoang, cải tạo gì thêm (BL 86, 87). Tại Biên bản làm việc ngày 06/10/2020 (BL 88), ông Lê Doãn N thống nhất ghi nhận trên thửa đất 1.500m² ông Nhạ đề nghị cấp giấy chứng nhận chỉ có 08 bụi tre (trong đó có 04 bụi tre Hội đồng xét nguồn gốc đất cho rằng của ông Nguyễn Đình Tuấn) (BL 90), ngoài ra không có hoa màu, cây cối gì. Mặt khác, theo Biên bản làm việc ngày 10/3/2021 của Thanh tra thị xã Điện Bàn,

UBND phường P xác định, khoảng năm 1996 toàn xã có chủ trương vận động nhân dân trồng tre để chống xói lở, không phải trồng với mục đích sản xuất, thu hoạch, hộ ông Lê Doãn N là một trong các hộ gia đình thực hiện theo chủ trương này. Ngoài ra, như phân tích tại mục [2.1], hộ ông Lê Doãn N không thực hiện việc đăng ký, kê khai sử dụng đất qua các thời kỳ, không có giấy tờ và không cung cấp được bất kỳ chứng cứ nào để xác định được thời điểm sử dụng đất ổn định của hộ ông Nhạ. Ngoài ra, theo xác minh đối với những người cùng thôn cùng cư trú tại thời điểm bắt đầu sử dụng đất với ông Lê Doãn N thì việc sử dụng đất của ông Lê Doãn N là sau thời điểm năm 1980. Do đó, Chủ tịch UBND thị xã Điện Bàn kết luận gia đình ông Lê Doãn N sử dụng đất từ trước ngày 01/7/2004 là có căn cứ.

[2.3.2] Về nội dung khiếu nại yêu cầu được công nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình ông Lê Doãn N theo hình thức giao đất không thu tiền, Hội đồng xét xử xét thấy:

Mặc dù ông Lê Doãn N được kết luận sử dụng đất từ trước ngày 01/7/2004, nhưng ông Lê Doãn N không xác định được ranh giới thửa đất ông đang quản lý, sử dụng, hiện trạng trên đất không có bất kỳ hoa màu hay cây lâu năm nào khác ngoài các bụi tre. Theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Luật đất đai và khoản 5 Điều 20 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ thì trường hợp của ông Lê Doãn N không sử dụng đất ổn định vào mục đích thuộc nhóm đất nông nghiệp từ trước ngày 01/7/2004. Hơn nữa, hộ ông Lê Doãn N không có nguồn thu nhập thường xuyên từ sản xuất nông nghiệp trên diện tích đất đang sử dụng nên không đủ điều kiện để được xác nhận cá nhân, hộ gia đình trực tiếp sử dụng đất nông nghiệp theo khoản 2, 3 Điều 3 Thông tư 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Do đó, hộ ông Lê Doãn N không đủ điều kiện để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quy định tại khoản 2 Điều 101 Luật đất đai và không thuộc trường hợp được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo hình thức giao đất không thu tiền sử dụng đất quy định tại khoản 5 Điều 20 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Vì vậy, Chủ tịch UBND thị xã Điện Bàn kết luận trường hợp của ông Lê Doãn N không đủ điều kiện để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo hình thức giao đất không thu tiền sử dụng đất và phần diện tích còn lại hộ gia đình ông Nhạ cho người khác mượn để trồng đậu phộng không đủ cơ sở để công nhận quyền sử dụng đất theo điểm a khoản 5 Điều 20 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.4] Xét yêu cầu của ông Lê Doãn N về việc buộc Ủy ban nhân dân xã P, thị xã Điện Bàn xác nhận nguồn gốc đất đối với thửa đất số 23, tờ bản đồ số 01, diện tích 1500m² tại thôn M, xã P, thị xã Điện Bàn là do gia đình ông khai hoang, sử dụng ổn định từ trước năm 1980 theo đúng quy định của pháp luật thì thấy:

Ông Lê Doãn N cho rằng gia đình ông sử dụng đất từ trước năm 1980, nhưng như phân tích tại mục [2.1] và [2.3], ông Lê Doãn N không đăng ký, kê khai qua các thời kỳ, không có một trong các căn cứ xác định thời điểm sử dụng đất ổn định quy định tại khoản 2 Điều 21 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ và qua xác minh những người cùng thôn cư trú tại cùng thời điểm bắt đầu sử dụng đất của ông Lê Doãn N thì việc sử dụng đất của hộ ông Lê Doãn N là trước ngày 01/7/2004, không sử dụng ổn định vào mục đích thuộc nhóm đất nông nghiệp và không có nguồn thu nhập thường xuyên từ sản xuất nông nghiệp trên diện tích đất đang sử dụng. Chính ông Lê Doãn N cũng thừa nhận nguồn gốc đất là của ông Huỳnh Triêm, sau này cha ông và ông mới đến trồng tre; ông thừa nhận chỉ trồng tre trên đất nhằm chống xói lở, mà theo xác nhận của Hội đồng xét nguồn gốc đất thì việc trồng tre do Nhà nước vận động vào năm 1996. Do đó, việc xác định thời điểm sử dụng đất của gia đình ông vào năm 1980 là không có

cơ sở. Yêu cầu này của ông Lê Doãn N không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[2.5] Mặc dù Quyết định số 250/QĐ-UBND ngày 27/10/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P có một số sai sót như đã nêu trên, nhưng tại Quyết định số 5078/QĐ-UBND ngày 19/5/2021, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Điện Bàn đã thực hiện việc xác minh và giải quyết khiếu nại đúng quy định về trình tự, thủ tục theo quy định của Luật Khiếu nại và giải quyết đúng nội dung, đồng thời, nhận định nội dung không đúng quy định pháp luật của Quyết định số 250/QĐ-UBND ngày 27/10/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P, đã khắc phục được sai sót, giải quyết đúng nội dung bản chất vụ việc và yêu cầu của ông Lê Doãn N, do đó, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải hủy Quyết định số 250/QĐ-UBND ngày 27/10/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P.

[2.6] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của ông Lê Doãn N là không có căn cứ nên bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Doãn N về việc: hủy Quyết định số 250/QĐ-UBND ngày 27/10/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Doãn N (lần đầu); hủy Quyết định số 5078/QĐ-UBND ngày 19/5/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Điện Bàn về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Doãn N (lần hai); buộc Ủy ban nhân dân xã P, thị xã Điện Bàn xác nhận nguồn gốc đất đối với thửa đất số 23, tờ bản đồ số 01, diện tích 1500m² tại thôn M, xã P, thị xã Điện Bàn là do gia đình ông khai hoang, sử dụng ổn định từ trước năm 1980 theo đúng quy định của pháp luật.

[3] Về án phí hành chính sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của ông Lê Doãn N không được chấp nhận nên ông Nhạ phải chịu tiền án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 và 2 Điều 3; khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 348 Luật tổ tụng hành chính năm 2015; khoản 1 Điều 10, Điều 100, Điều 101 Luật đất đai năm 2013; Điều 20 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; khoản 2, 3 Điều 3 Thông tư 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; Luật Khiếu nại năm 2011; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Doãn N về việc: hủy Quyết định số 250/QĐ-UBND ngày 27/10/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Doãn N (lần đầu); hủy Quyết định số 5078/QĐ-UBND ngày 19/5/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Điện Bàn về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Doãn N (lần hai); buộc Ủy ban nhân dân xã P, thị xã Điện Bàn xác nhận nguồn gốc đất đối với thửa đất số 23, tờ bản đồ số 01, diện tích 1500m² tại thôn M, xã P, thị xã Điện Bàn là do gia đình ông khai hoang, sử dụng ổn định từ trước năm 1980 theo đúng quy định của pháp luật.

2. Án phí hành chính sơ thẩm: Ông Lê Doãn N phải chịu án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo Biên lai thu số 0000143 ngày 06/5/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, các đương sự vắng mặt tại phiên tòa trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án này, có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng

xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Cục THADS tỉnh Quảng Nam;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Huỳnh Văn Phú